

Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội (HSX: NHA)

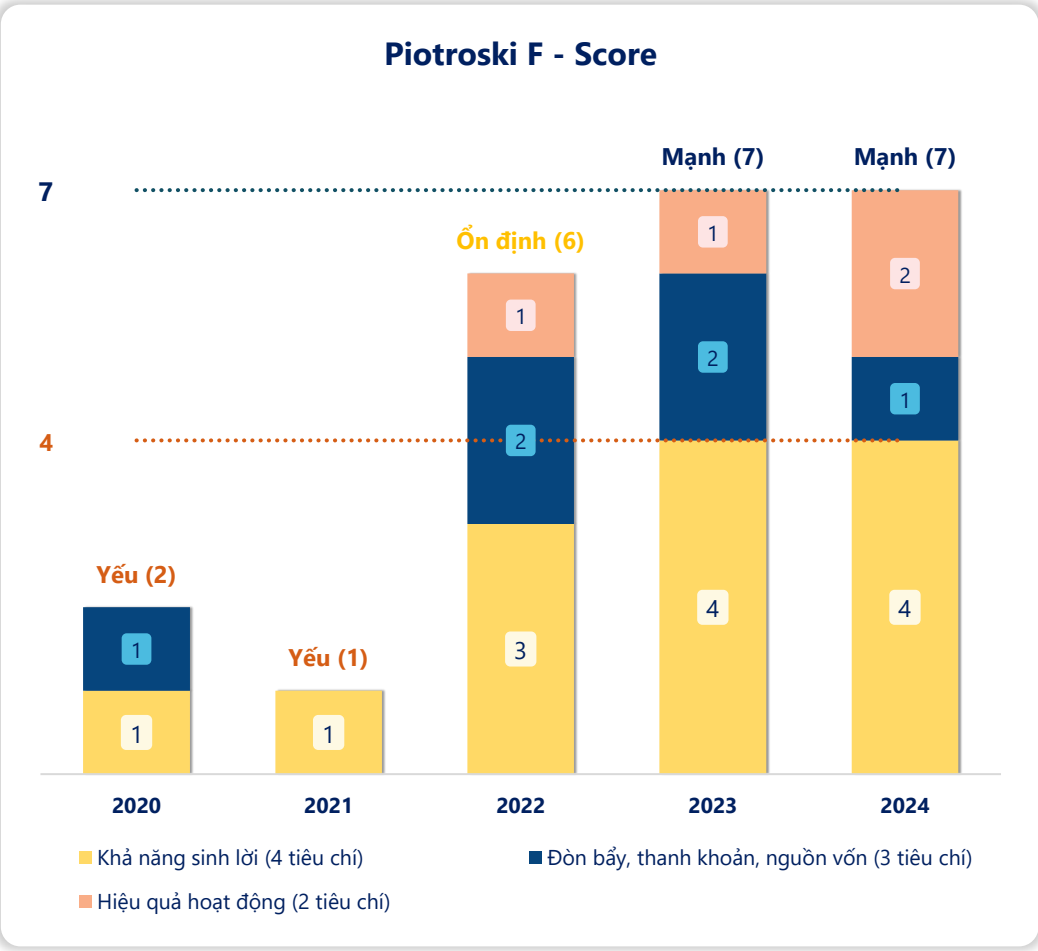
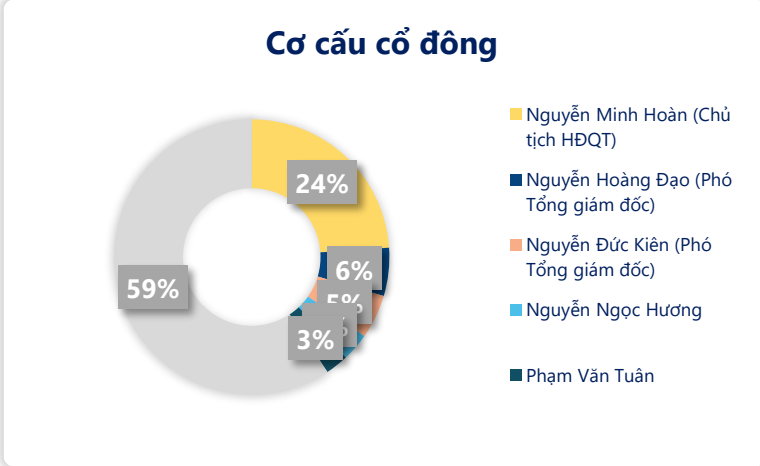
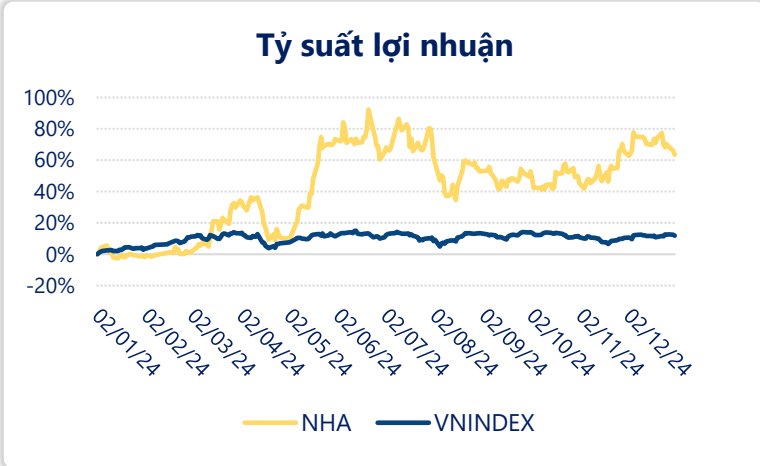
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	27,700 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.8%	14.7%	-8.7%

Sức mạnh tài chính	2024
Piotroski F - Score	7/9
	(Mạnh)

DT thuần	2024
	160
	tỷ VNĐ
	YoY
	▲ 86.9
	▲ 119%

LN sau thuế	2024
	63.1
	tỷ VNĐ
	YoY
	▲ 57.2
	▲ 971%

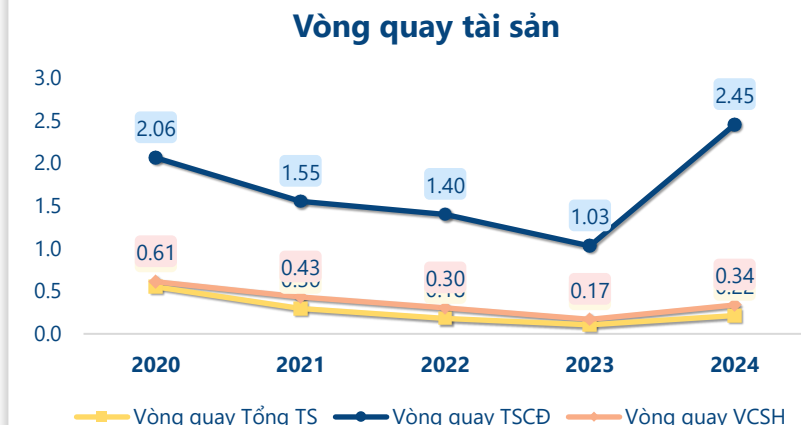
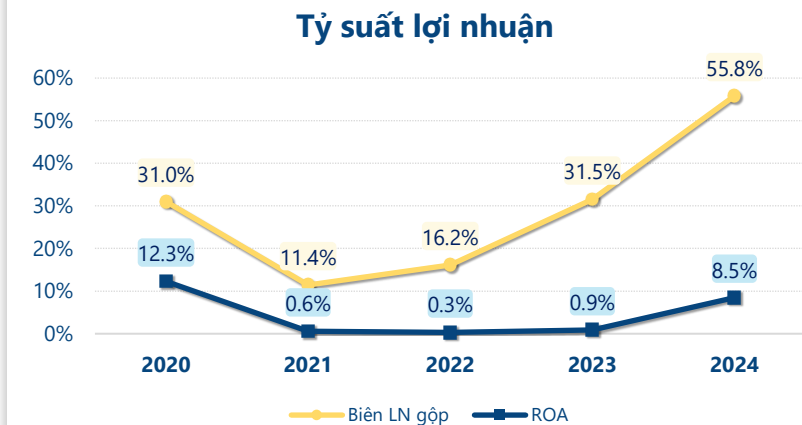
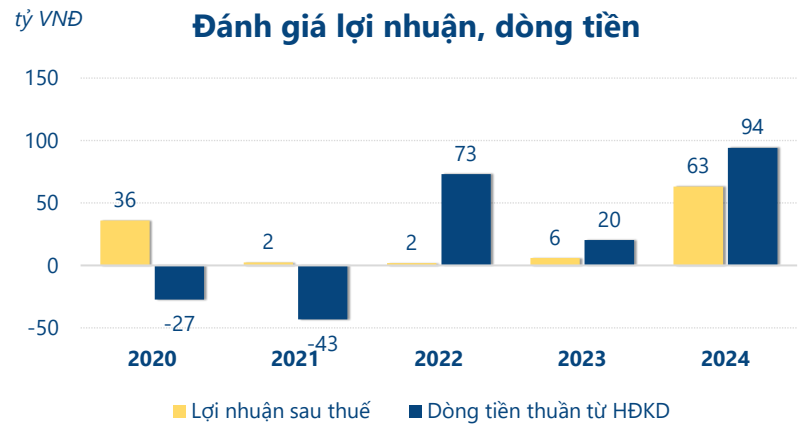


Năm **2024**, F-Score của **NHA** đạt **7/9** không đổi so với năm trước cho thấy sức khỏe tài chính ổn định và được đánh giá "**Mạnh**".

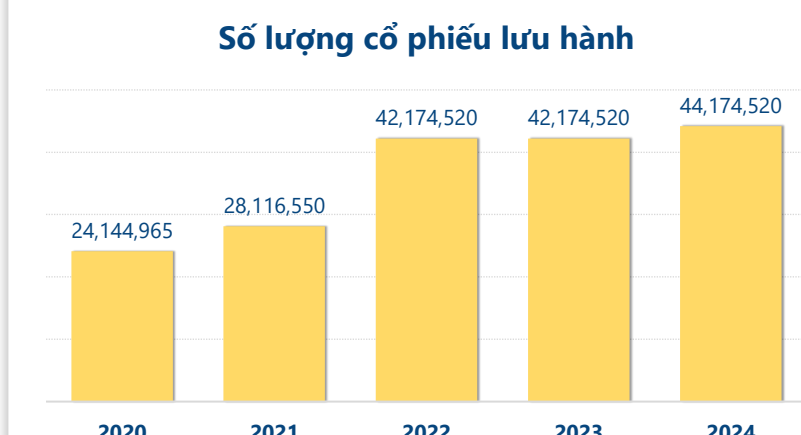
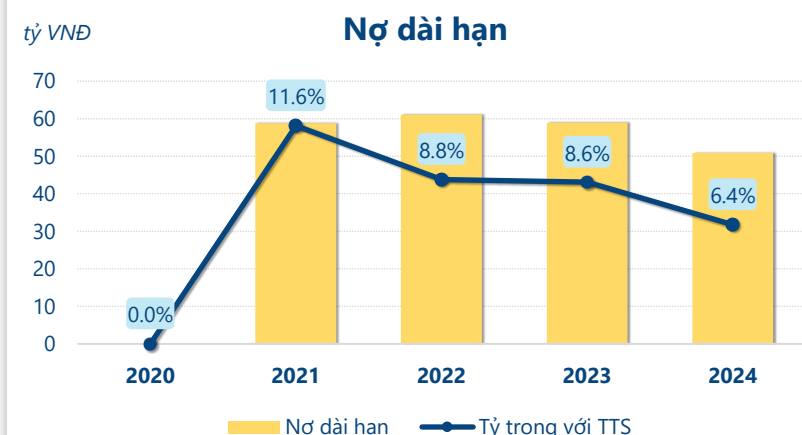
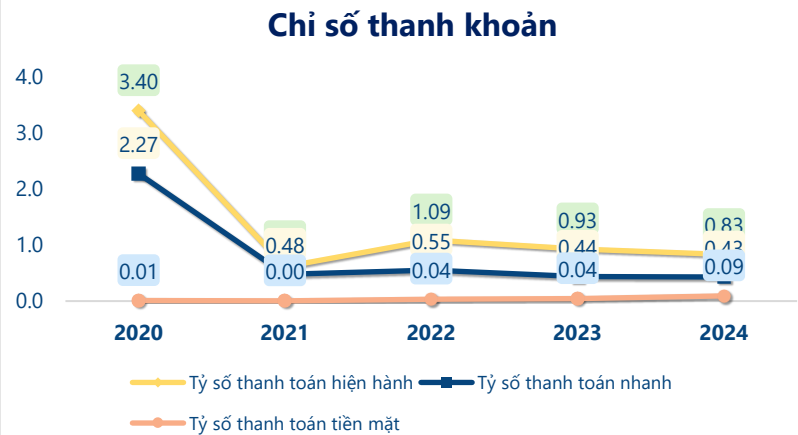
Trong đó, khả năng sinh lời **không đổi** đạt **4/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn **kém hơn** năm trước đạt **1/3**. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, đạt **2/2** điểm cải thiện tốt hơn so với năm trước.

Với điểm số F-Score cao cho thấy tình hình kinh doanh ổn định và hiệu quả trong quản lý tài sản và có sự ổn định tài chính trong dài hạn. Tuy nhiên vẫn cần phải xem xét các yếu tố về tài chính và chiến lược của công ty.

Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội (HSX: NHA)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2024** của **NHA**: Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh lớn hơn lợi nhuận sau thuế và 2 chỉ tiêu này đều dương là một tín hiệu tích cực cho thấy công ty có chất lượng lợi nhuận tốt và duy trì hoạt động kinh doanh một cách bền vững. Sự tăng trưởng của ROA phản ánh công ty đang tạo ra lợi nhuận tốt hơn từ mỗi đơn vị tài sản sử dụng. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Công ty phát hành cổ phiếu trong kỳ có thể dẫn đến EPS bị pha loãng, làm giảm giá trị cổ phiếu và giảm sự hấp dẫn của công ty đối với các nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	801	685	17.0%
Tài sản ngắn hạn	194	179	8.2%
Tiền và tương đương tiền	21.6	8.29	161%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	57.5	50.1	14.6%
Hàng tồn kho	93.5	94.3	-0.8%
Tài sản ngắn hạn khác	21.5	26.7	-19.3%
Tài sản dài hạn	607	505	20.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	63.0	67.8	-7.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	539	430	25.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.56	5.91	-22.9%
Tài sản dài hạn khác	0.06	1.23	-95.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	285	252	13.1%
Nợ ngắn hạn	234	193	21.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	113	98.6	15.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	16.0	16.7	-4.4%
Nợ dài hạn	50.9	59.0	-13.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	19.2	28.2	-32.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	516	433	19.2%
Vốn chủ sở hữu	516	433	19.2%
Vốn điều lệ	442	422	4.7%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	162	122	108	73.1	160
Giá vốn hàng bán	111	108	90.8	50.1	70.9
Lợi nhuận gộp	50.1	14.0	17.5	23.1	89.6
Doanh thu HĐTC	1.73	0.07	0.04	0.01	0.05
Chi phí TC	2.00	1.26	2.30	2.65	3.86
Chi phí lãi vay	0.24	0.08	1.57	2.23	2.51
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	8.75	9.73	12.8	13.6	8.61
LN thuần từ HĐKD	41.1	3.08	2.45	6.77	77.1
Lợi nhuận khác	1.01	-0.13	-0.03	0.89	1.78
LN trước thuế	42.1	2.96	2.42	7.66	78.9
Lợi nhuận sau thuế	36.0	2.38	1.87	5.89	63.1
LNST của CĐ cty mẹ	36.0	2.38	1.87	5.89	63.1

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-27.2	-43.1	73.0	20.2	94.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.88	-87.9	-171	-50.8	-107
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	132	105	31.5	25.8
Tiền đầu kỳ	31.4	0.27	0.72	7.34	8.29
Lưu chuyển tiền thuần	-31.1	0.45	6.62	0.95	13.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.27	0.72	7.34	8.29	21.6